

## KINH ĐẠI TÁT-GIÀ NI-KIỀN TỬ SỞ THUYẾT

### QUYỂN 8

#### Phẩm 8: CÔNG ĐỨC KHÔNG LỖI LẦM CỦA NHƯ LAI (Phần 3)

Đại vương nên biết! Như ý thần thông trí hạnh của Sa-môn Cù-đàm là vì muốn điều phục những chúng sinh tà kiến, kiên cường khó giáo hóa, khiến họ theo chánh pháp. Cho nên Sa-môn Cù-đàm thị hiện các loại thần thông để giáo hóa, hoặc bằng sắc tướng, hoặc bằng thế lực, hoặc bằng biến hóa. Sắc tướng là thị hiện thân Phật, thân Bồ-tát, thân Duyên giác, thân Thanh văn, thân Thích ĐỀ-hoàn Nhân, thân Phạm, vua trời và vua bốn cõi trời. Hoặc thân Chuyển luân thánh vương và các thân khác, cho đến thân súc sinh. Tùy theo chúng sinh mà ứng hiện để giáo hóa, đều có thể thị hiện để thuyết pháp. Nếu có chúng sinh tự ý vào sức mạnh của tự thân mà khởi lên thái độ kiêu mạn, sân giận, cống cao, vì muốn giáo hóa những chúng sinh như thế, nên Ngài thị hiện đại lực Na-la-diên, lấy núi Tu-di đặt ở đầu ngón tay, rồi ném vào trong vô lượng thế giới ở các phương khác. Hoặc có khi gom nắm tam thiên đại thiên thế giới, dưới đến tận cùng thủy tể rồi dùng một tay nhắc cao lên đến trời Hữu đảnh, trải qua một kiếp. Thị hiện năng lực như vậy để làm cho chúng sinh kia dứt bỏ tâm kiêu mạn, tự đại và cống cao mà thuyết pháp cho họ.

Biến hóa là dùng năng lực biến hóa, có thể biến biển lớn kia thành nước trong lỗ dấu chân trâu, biển lớn không giảm mà lỗ chân trâu cũng không lớn ra. Ngược lại, biến nước trong lỗ dấu chân trâu trở thành biển lớn. Hoặc khi kiếp số sắp kết hỏa tai nổi lên cầu ứng hiện nước thì liền biến làm nước; cầu ứng hiện gió thì liền biến làm gió. Khi thủy tai nổi lên, cầu ứng hiện lửa thì liền biến làm lửa, cầu ứng hiện gió thì liền biến làm gió. Khi phong tai nổi lên, cầu ứng hiện nước thì liền biến làm nước, cầu ứng hiện lửa thì liền biến làm lửa. Thể hiện những loại biến hóa như thế, chỉ dạy các chúng sinh, khiến họ sinh tâm vui mừng mà thuyết pháp cho họ. Vì sao? Vì sức thần thông Như Lai bao gồm các pháp tín, dục, tinh tấn, thiên định và trí tuệ; điều phục tâm nhu hòa, đạt được sự tự tại, tu tập hoàn hảo. Đó gọi là Thần thông như ý.

Đại vương nên biết! Lậu tận thông trí hạnh của Sa-môn Cù-đàm là các lậu hoặc đã hết, xa lìa tất cả phiền não tập khí; đó là dục lậu, hữu lậu, kiến lậu và vô minh lậu. Nó không giống chỗ đạt được lậu tận của tất cả Thanh văn và Bích-chi-phật. Vì sao? Tất cả Thanh văn, Bích-chi-phật tuy đạt được lậu tận, nhưng đối với các sinh xứ vẫn còn bị chướng ngại, không đủ sức tự tại giáo hóa chúng sinh. Vì thế, họ còn có sự chướng ngại. Sa-môn Cù-đàm không còn có sự chướng ngại, nên gọi là Lậu tận trí thông.

Đại vương nên biết! Sa-môn Cù-đàm hoàn toàn thành tựu thần thông trí hạnh như thế, cho nên ta nói là không có lỗi lầm.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Thế nào là bốn Trí vô ngại của Như Lai?

Đáp:

–Đại vương! Bốn Trí vô ngại của Như Lai là:

1. Pháp vô ngại.
2. Nghĩa vô ngại.
3. Từ vô ngại.
4. Nhạo thuyết vô ngại.

Đại vương! Pháp vô ngại của Sa-môn Cù-đàm nghĩa là quán chúng sinh mới phát tâm, hành tâm nhiều dục, hành tâm ít dục và pháp thiện, pháp ác, pháp thế gian và pháp xuất thế gian, pháp có thể làm, pháp không thể làm, có pháp hữu lậu và pháp vô lậu, có pháp hữu vi và vô vi, pháp đen và pháp trắng, pháp sinh tử và pháp Niết-bàn, Bồ-đề bình đẳng, pháp tánh bình đẳng. Biết đúng như thật, tùy theo đối tượng nghe để thuyết pháp. Đó gọi là Pháp vô ngại.

Đại vương nên biết! Nghĩa vô ngại của Sa-môn Cù-đàm là đối với các pháp nhận thức bằng trí đệ nhất nghĩa, là vô ngã trí, vô chúng sinh trí, vô nhân trí, vô thọ mạng trí; biết về quá khứ bằng trí không chướng ngại; biết về vị lai bằng trí vô biên; biết hiện tại bằng trí Nhất thiết chủng. Biết rõ về trí của bốn Đế, đó là Khổ không hòa hợp trí, biết Tập không tạo tác trí, biết Diệt tự tánh trí, biết Đạo có thể không tạo tác trí; biết tâm các chúng sinh thực hành theo trí. Tất cả đều đúng như thật, tùy theo đối tượng nghe để thuyết pháp. Đó gọi là Nghĩa vô ngại trí.

Đại vương nên biết! Trí của Sa-môn Cù-đàm đối với ngôn từ không ngại là hoàn toàn hiểu rõ các âm thanh, ngôn ngữ. Nghĩa là, biết được âm thanh, ngôn ngữ văn tự của Trời, Rồng, Quỷ thần, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Ma-hầu-la-già, người và chẳng phải người. Tùy theo đối tượng nghe của từng loại khác nhau, tùy theo từng loại với âm thanh khác nhau của từng địa phương mà thuyết pháp thuyết nghĩa. Đó gọi là Từ vô ngại trí.

Đại vương nên biết! Nhạo thuyết vô ngại trí của Sa-môn Cù-đàm là tùy theo đối tượng nghe và người cầu hỏi, tất cả ngôn ngữ văn tự, ngay trong miệng phân biệt mà trả lời thẳng ngay. Tâm không nhàm chán mệt mỏi, nghĩa là tất cả thiền định Tam-ma-bạt-đề, biện thuyết ba thừa, tùy theo những tâm hạnh của chúng sinh để trả lời đúng như yêu cầu. Ngôn ngữ bóng bẩy, nói không trở ngại, giống như dòng nước chảy không bao giờ cùng tận. Đó gọi là Nhạo thuyết vô ngại trí.

Đại vương nên biết! Sa-môn Cù-đàm đã thành tựu bốn vô ngại trí như thế, cho nên ta nói Ngài không có lỗi lầm.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Thế nào là bốn Tâm vô lượng của Như Lai?

Đáp:

–Đại vương! Bốn Tâm vô lượng của Như Lai là tâm Từ vô lượng, tâm Bi vô lượng, tâm Hỷ vô lượng và tâm Xả vô lượng. Đại vương! Sa-môn Cù-đàm có mười loại tâm đại Từ vô lượng:

1. Tâm Từ rộng lớn bình đẳng, đối với chúng sinh không có sự lựa chọn.
2. Tâm Từ rộng lớn làm lợi ích; có khả năng khai mở con đường thiện Niết-bàn cho trời và người, đóng cửa những con đường ác.
3. Tâm Từ rộng lớn cứu độ, hoàn toàn có khả năng đưa tất cả chúng sinh qua khỏi hiểm nạn của sinh tử.
4. Tâm Từ rộng lớn thương xót, không bỏ tất cả chúng sinh, nuôi dưỡng các căn.
5. Tâm Từ rộng lớn giải thoát, diệt trừ những phiền não nóng bức của chúng sinh.

## LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

6. Tâm Từ rộng lớn phát sinh Bồ-đề, dạy các chúng sinh về Bồ-đề Niết-bàn Vô thượng.

7. Đối với chúng sinh tâm Từ rộng lớn không bị trở ngại, phóng ánh sáng lớn chiếu khắp tất cả cảnh giới của chúng sinh.

8. Tâm Từ rộng lớn như hư không, cứu hộ tất cả chúng sinh.

9. Tâm Từ rộng lớn duyên với pháp, giác ngộ tất cả chúng sinh cùng biết được pháp chân thật.

10. Vô duyên đại Từ, chứng được tánh thật pháp, xa lìa sinh tử.

Đại vương nên biết! Đó gọi là tâm Từ vô lượng.

Đại vương nên biết! Sa-môn Cù-đàm có mười loại tâm đại Bi vô lượng:

1. Đại Bi bất cộng, vì tánh đại Bi.
2. Đại Bi không nhầm chán, thay tất cả chúng sinh chịu mọi sự đau khổ.
3. Đại Bi đi vào tất cả đường ác, ở trong sinh tử giáo hóa chúng sinh.
4. Đại Bi thọ sinh trong các cõi trời người, thị hiện các pháp đều vô thường.
5. Đại Bi không bỏ các tà định của chúng sinh, ở trong vô lượng kiếp khởi tâm thế lớn trang nghiêm thành tựu.

6. Đại Bi không đắm trước niềm vui của chính mình mà đem cho niềm vui của tất cả chúng sinh.

7. Đại Bi không cần báo đáp, tự tâm thanh tịnh.

8. Đại Bi diệt trừ tâm điên đảo của tất cả chúng sinh, để nói pháp chân thật.

9. Đại Bi nói pháp tánh chân thật, biết các pháp giới tự tánh thanh tịnh.

10. Đại Bi nói về không, không có sở hữu, không bị các khách trần phiền não làm ô nhiễm.

Đại vương! Đó gọi là tâm Bi vô lượng.

Đại vương nên biết! Sa-môn Cù-đàm có mười loại tâm đại Hỷ vô lượng:

1. Tâm đại Hỷ vui mừng các chúng sinh phát tâm Bồ-đề.
2. Tâm đại Hỷ nghĩ đến các chúng sinh đã từ bỏ các cõi.
3. Tâm đại Hỷ đối với người phạm giới, không sinh tâm ác, giáo hóa họ được thành tựu.
4. Tâm đại Hỷ đối với tất cả các chúng sinh hay đấu tranh, kiện tụng đều khiến cho họ hòa hợp và được trí Vô thượng.

5. Tâm đại Hỷ vì các chúng sinh thường hộ chánh pháp.

6. Tâm đại Hỷ vì xa lìa thế gian và xuất thế gian.

7. Tâm đại Hỷ khiến cho các chúng sinh không đắm trước mọi thứ của cải, thường vui trong chánh pháp.

8. Tâm đại Hỷ không để cho những khó khăn khuất phục.

9. Tâm đại Hỷ không hoại diệt pháp giới, làm cho các chúng sinh thường ưa thích thiền định, giải thoát Tam-muội liên tục không gián đoạn.

10. Tâm đại Hỷ khiến các chúng sinh chuyên cầu sự tịch tĩnh, diệt trừ tâm loạn, đạt được trí tuệ Vô thượng, xa lìa tà kiến và có đầy đủ các hạnh nguyện.

Đó gọi là tâm đại Hỷ vô lượng.

Đại vương nên biết! Sa-môn Cù-đàm có mười loại tâm xả vô lượng:

1. Tâm đại Xả là tất cả chúng sinh cung kính, cúng dường mà vẫn không tăng thêm tâm vui mừng. Còn đối với tất cả những chúng sinh khinh mạn, hủy nhục cũng không sinh tâm buồn giận.

2. Tâm đại Xả là thường sống ở trong thế gian nhưng không bị nhiễm bởi tám pháp của thế gian.

3. Tâm đại Xả là biết khả năng, biết thời, đối với khả năng hay chẳng phải khả năng, tâm vẫn thực hành bình đẳng.

4. Tâm đại Xả không đem cho chúng sinh pháp học và vô học của Thanh văn, Bích-chi-phật.

5. Tâm đại Xả là lia xa tất cả phiền não tập khí.

6. Tâm đại Xả không vui tu hành Bồ-đề Nhị thừa để nhằm chán sinh tử.

7. Tâm đại Xả là xa lia ngôn ngữ thế gian và Niết-bàn, ngôn ngữ chẳng lia dục, ngôn ngữ cười đùa, ngôn ngữ làm người khác buồn bực, ngôn ngữ Thanh văn và Duyên giác, cho đến tất cả các ngôn ngữ làm chướng ngại Bồ-đề.

8. Tâm đại Xả, nếu có chúng sinh đợi thời cơ được giáo hóa thì lúc đó Như Lai tạm thời xả bỏ cho họ.

9. Tâm đại Xả, nếu có chúng sinh đáng được Đức Phật giáo hóa thì tùy theo đó liền thấy các sắc thân ứng hiện.

10. Tâm đại Xả là lia xa hai pháp không cao và không thấp, không giữ không bỏ, không hư không thật, quán sát bình đẳng, an trụ ở chân thật và đạt được nhứt thanh tịnh.

Đó gọi là tâm đại Xả vô lượng.

Đại vương nên biết! Sa-môn Cù-đàm hoàn toàn thành tựu bốn Vô lượng tâm như vậy. Cho nên ta nói là không có lỗi lầm.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! thế nào là tướng năm Căn của Như Lai?

Đáp:

–Đại vương! tướng năm Căn của Như Lai là: Tín căn, Tinh tấn căn, Niệm căn, Định căn và Tuệ căn.

Đại vương nên biết! Tín căn của Sa-môn Cù-đàm là tin ở bốn pháp. Bốn pháp ấy là:

1. Ở trong sinh tử thực hành chánh kiến, tin ở nghiệp báo, thậm chí bị mất mạng cũng không làm điều ác.

2. Tin hạnh Bồ-tát, không theo tà kiến, chuyên cầu Bồ-đề, không cầu các thừa khác.

3. Tin hiểu các pháp, đồng với Không, Vô tướng và Vô nguyện, đồng với Đệ nhất nghĩa đế; đồng với hiểu rõ nghĩa lý nhân duyên sâu xa, không có ta không có người, không có chúng sinh, không có phân biệt.

4. Tin vào mười Lực, bốn pháp Vô úy, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật. Khi tin như thế rồi, cắt bỏ những lưới nghi, tóm thâu tất cả giáo pháp của Đức Phật.

Đó gọi là Tín căn.

Đại vương nên biết! Tinh tấn căn của Sa-môn Cù-đàm là nếu pháp nào thuộc về Tín căn thì pháp ấy chính là pháp tu Tinh tấn căn, do đó gọi là Tinh tấn căn.

Nếu pháp nào thuộc về Tinh tấn căn thì pháp ấy không bao giờ bị quên mất, do đó gọi là Niệm căn.

Nếu pháp nào được thuộc về Niệm căn thì pháp ấy không quên, không mất và nhất tâm bất loạn, do đó gọi là Định căn.

Nếu pháp nào được thuộc về Định căn là đối tượng quán của tuệ, là thể tánh của tuệ, bên trong tự chiếu tỏ, không biết do người khác, tự trụ trong chánh hạnh, đó gọi là

Tuệ căn.

Đại vương nên biết! Sa-môn Cù-đàm hoàn toàn thành tựu Năm căn như vậy, cho nên ta nói là không có lỗi.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Thế nào là tướng năm Lực của Như Lai?

Đáp:

–Đại vương! Tướng năm Lực của Như Lai là: Tín lực, Tinh tấn lực, Niệm lực, Định lực và Tuệ lực.

Đại vương nên biết! Tín lực của Sa-môn Cù-đàm là tin vào một mục đích không bao giờ thay đổi; đến nỗi trời ma biến làm thân Phật, thị hiện ra vào thiên định giải thoát cũng không lay chuyển được, đó gọi là Tín lực.

Ở trong các pháp thiện đạt tâm kiên cố. Đạt được sức như thế, tu các thiền định, các trời và người không thể phá hoại, đều được thành tựu như sở nguyện, đó gọi là Tinh tấn lực.

Trụ ở trong các pháp nhưng không bị phiền não phá hoại. Vì sao? Vì có năng lực chánh niệm nên có thể thu phục được. Bởi vậy, không đánh mất năng lực của niệm, đó gọi là Niệm lực.

Xa lìa nơi ồn ào náo nhiệt, thích độc hành. Tuy có nói ngôn ngữ, âm thanh, nhưng không làm chướng ngại Sơ thiền, khéo trụ ở giác quán, không chướng ngại Nhị thiền. Tâm sinh hoan hỷ không chướng ngại Tam thiền; dấu thích giáo hóa tất cả chúng sinh nhưng không bỏ Phật pháp và cũng không làm chướng ngại Tứ thiền. Khi thực hành Tứ thiền không bị chướng ngại bởi các pháp chướng ngại định, không bỏ các định cũng không theo định mà có thể tự tại thọ sinh bất cứ ở đâu, đó gọi là Định lực.

Biết pháp thế gian và pháp xuất thế gian, không có một pháp nào có thể hoại đó là trí. Trong đời sống, tất cả nghề nghiệp không học từ thầy mà chỉ tự nhiên biết. Tất cả hạnh khổ của thế gian và ngoại đạo, vì giáo hóa chúng sinh nên đều thọ nhận thực hành, là pháp xuất thế gian. Nó có khả năng vượt qua thế gian, thành tựu năng lực tuệ, đó gọi là Tuệ lực.

Đại vương nên biết! Sa-môn Cù-đàm đã hoàn toàn thành tựu năm lực như thế, cho nên ta nói là không có lỗi lầm.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Thế nào là tướng bảy Giác phần của Sa-môn Cù-đàm?

Đáp:

–Đại vương! Bảy Giác phần của Sa-môn Cù-đàm là: Niệm giác phần, Trạch pháp giác phần, Tinh tấn giác phần, Hỷ giác phần, Ý giác phần, Định giác phần và Xả giác phần.

Đại vương nên biết! Niệm giác phần của Sa-môn Cù-đàm là khả năng quán các pháp, có khả năng phân biệt các pháp và cũng có khả năng quán sát tự tướng các pháp. Thế nào là tự tướng? Quán các pháp tự tánh vốn không. Niệm biết tướng tận tất cả như thế, gọi là Niệm giác phần.

Nếu có khả năng phân biệt hiểu rõ tám vạn bốn ngàn pháp tụ (pháp môn). Hiểu được pháp như thế, hiểu nghĩa là hiểu nghĩa, không hiểu nghĩa là không hiểu nghĩa, thế đế là thế đế, Đệ nhất nghĩa đế là Đệ nhất nghĩa đế, giả danh là giả danh, hiểu chính chấn không nghi. Phân biệt chọn lựa được những pháp như thế, đó gọi là Trạch pháp giác phần.

## LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Nếu Niệm pháp, Trạch pháp, Hỷ pháp, Ý pháp, Định pháp và Xả pháp thì dùng trí tuệ gom lấy, tinh tấn dũng mãnh; muốn không thoái chuyển nên siêng năng tu tiến lên, không xả bỏ ý mình, thực hành chánh đạo, đó gọi là Tinh tấn giác phần.

Đối với việc tu hành ở trong pháp vô lượng thanh tịnh thắng lạc, tâm sinh phần chấn không lười biếng, thì là vui mừng hơn hở, có khả năng dứt trừ phiền não, đó gọi là Hỷ giác phần.

Nếu diệt trừ các phiền não cấu uế trong thân tâm thì lìa khỏi các triền cái, nhập vào cảnh giới định, khiến tâm trụ vững, đó gọi là Ý giác phần.

Như chỗ nhập định đều có thể liễu giác. Hễ nhập định là hiểu rõ pháp, lại hiểu rõ sự trói buộc của các kiến hoặc phiền não, tâm ấy bình đẳng, tất cả các pháp không có tướng sai khác. Có khả năng biết rõ như thế, đó gọi là Định giác phần.

Nếu đối với pháp vui, buồn mà tâm ấy không mất, lại cũng không bị pháp thế gian lôi kéo, không cao, không thấp, trụ vững không lay động, không có các lậu, không vui, không đắm, không có các sự chướng ngại, tùy thuận chân đế, thẳng đến chánh đạo, đó gọi là Xả giác phần.

Đại vương nên biết! Sa-môn Cù-đàm đã hoàn toàn thành tựu bảy Giác phần như thế, cho nên ta nói Ngài không có lỗi lầm.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Thế nào là tám phần Thánh đạo của Như Lai?

Đáp:

–Đại vương! Tám phần Thánh đạo của Như Lai là: Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định.

Đại vương nên biết! Chánh kiến của Sa-môn Cù-đàm là nếu thấy xuất thế là không khởi ngã, nhân, chúng sinh, thọ mạng, dưỡng dục, đàn ông, đoạn kiến, thường kiến, hữu kiến, vô kiến. Lại cũng không khởi cái thấy thiện, bất thiện và vô úy; cho đến không khởi lên thấy hai tướng Niết-bàn và sinh tử, đó gọi là Chánh kiến.

Nếu các phiền não tham dục, sân hận, ngu si kia thường sinh khởi thì gọi là bất chánh. Không sinh khởi việc ấy, chỉ suy nghĩ về giới, định, trí tuệ, giải thoát và giải thoát tri kiến. Có khả năng suy nghĩ, trụ trong giới uẩn như thế, gọi là Chánh tư duy.

Phàm khi nói năng không làm cho chính mình và người khác buồn phiền, tổn thương. Thành tựu lời nói tốt đẹp như thế, sinh khởi chánh đạo, đó gọi là Chánh ngữ.

Nếu nghiệp đen thì có quả báo đen; nghiệp trắng thì có quả báo trắng; hoặc nghiệp vừa đen vừa trắng thì cũng có quả báo vừa đen vừa trắng, rốt cuộc không dám làm. Nếu nghiệp không đen, không trắng thì quả báo không đen không trắng. Nếu hành động nào có khả năng dứt nghiệp thì hành động đó nên làm, đó gọi là Chánh nghiệp.

Tu hành theo Thánh chủng, Đầu-đà, oai nghi, không vọng động, không thay đổi, không đối gạt quanh co, không bị chi phối bởi lợi dưỡng của thế gian. Thấy người khác được lợi dưỡng tâm không sinh buồn bã, mình được lợi dưỡng thường nên biết đủ. Hạnh chân chánh như thế sẽ được Thánh nhân khen ngợi, đó gọi là Chánh mạng.

Nếu như tinh tấn hướng đến điều sai trái, không được bậc Thánh khen ngợi; vì đó là phiền não, tham dục, sân hận và ngu si. Là người có Chánh tinh tấn thì hoàn toàn không làm việc ấy. Nếu pháp nào có thể đi vào Thánh đạo vững chắc, tịch diệt Niết-bàn, đó gọi là Chánh tinh tấn.

Nếu không đánh mất chánh niệm, ở trong pháp không bị dao động, ngay thẳng không quanh co, vì thấy họa sinh tử nên cầu tiến đến Niết-bàn; buộc tâm không quên,

## LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

không mất chánh đạo, đó gọi là Chánh niệm.

Nếu định không tán loạn, khi trụ ở trong các pháp là định, thành tựu quyết định, đó gọi là Chánh định.

Đại vương nên biết! Trụ chính là Tam-muội, vì tất cả chúng sinh đạt được giải thoát, thành chánh quyết định, đó gọi là Chánh định. Tám Thánh đạo này chính là chỗ thực hành của chư Phật trong quá khứ, hiện tại và vị lai, cho nên gọi là Thánh đạo.

Đại vương nên biết! Sa-môn Cù-đàm thành tựu đầy đủ ba mươi bảy pháp trợ Bồ-đề. Sa-môn Cù-đàm nương vào pháp này nên gọi là Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri. Cho nên ta nói là không có lỗi lầm.

Rồi nói bài kệ rằng:

*Cù-đàm bốn Niệm xứ  
Và đến bốn Chánh cần  
Thiền định các Tam-muội  
Được tự tại trong ấy,  
Chỉ Cù-đàm hoàn hảo  
Lại không người thứ hai  
Cho nên nói Cù-đàm  
Không có các lỗi lầm.  
Đạo như ý Cù-đàm  
Tối thắng không gì hơn  
Tu tập bốn vô ngại  
Đầy đủ đến bờ kia.  
Đại Thánh hay hiểu rõ  
Vượt khỏi mọi sai biệt  
Cho nên biết như thật  
Làm thanh tịnh chúng sinh,  
Phạm hạnh được tự tại  
Từ, Bi và Hỷ, Xả  
Được chánh kiến tịch tĩnh  
Cho nên không lỗi lầm.  
Nước tám Thánh chánh đạo  
Trong sạch không đục nhờn  
Rửa các tội chúng sinh  
Mặc y báu bảy Giác,  
Đem đặt chỗ không động  
Chỗ vô úy Niết-bàn  
Cho nên nói Cù-đàm  
Không có các lỗi lầm.  
Cù-đàm như trâu chúa  
Riêng vượt hẳn quần chúng  
Thánh chúng đều kính ngưỡng  
Thế gian không ai bằng,  
Lìa hết mọi điều ác  
Đầy đủ các công đức  
Thường nghĩ lợi thế gian*

*Cho nên không lỗi lầm.*

Đại vương nên biết! Sa-môn Cù-đàm rất ráo thành tựu mười thứ trí lực.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Thế nào là mười thứ trí lực của Như Lai?

Đáp:

–Đại vương! Mười trí lực của Như Lai là: Biết Xứ chẳng phải xứ trí lực; biết Tập nghiệp trí lực; biết Tánh trí lực; biết Tín trí lực; biết Căn trí lực; biết Chí xứ đạo trí lực; biết Định trí lực; biết Túc mạng trí lực; biết Thiên nhân trí lực; biết Lậu tận trí lực.

Đại vương nên biết! Sa-môn Cù-đàm biết Xứ chẳng phải xứ lực tức là, trí đối với nhân quả quyết định hiểu rõ. Biết từ nhân này có thể sinh là quả kia, không sinh quả khác; biết hành bất thiện nhất định bị quả báo khổ, không sinh quả báo vui, tu hành nhân thiện nhất định được quả vui, không sinh quả báo khổ. Thị xứ là có quả báo, phi xứ là không có quả báo, đó gọi là biết rõ về Trí lực thị xứ, phi xứ.

Đại vương! Sa-môn Cù-đàm biết Tập nghiệp trí lực tức là có khả năng biết đúng như thật quả báo của các nghiệp (hành động) trong quá khứ, hiện tại và vị lai. Biết chỗ, biết việc, biết nhân, biết quả, hoặc là việc quá khứ đoạn diệt không còn. Sa-môn Cù-đàm nói ở quá khứ tuy không hiện tượng, nhưng nghiệp đó có thể đưa đến quả báo trong đời vị lai. Nếu có tác nghiệp là nhân Thanh văn, nhân Bích-chi-phật, nhân Bồ-tát, nhân Như Lai. Sa-môn Cù-đàm đều có khả năng biết rõ, cho nên gọi là biết Tập nghiệp trí lực.

Sa-môn Cù-đàm biết Dục trí lực là có khả năng biết đúng như thật về tất cả những thứ dục lạc của chúng sinh. Biết rõ chúng sinh vui trong năm dục, biết rõ chúng sinh vui trong đường tu tập, biết rõ chúng sinh ở trong định tà tụ, biết rõ chúng sinh ở trong các bất định tụ, biết rõ chúng sinh thích đạo Thanh văn, biết rõ chúng sinh thích đạo Bích-chi-phật, biết rõ chúng sinh thích đạo Vô thượng. Biết như vậy rồi, tùy nghi để thuyết pháp, giáo hóa khắp tất cả chúng sinh, đó gọi là biết Dục trí lực.

Đại vương nên biết! Sa-môn Cù-đàm biết Tánh trí lực là có khả năng biết đúng như thật vô lượng chủng tánh của tất cả chúng sinh. Có chủng tánh vô lậu; có chủng tánh hữu lậu, chủng tánh thế gian và chủng tánh xuất thế gian; tánh thường và tánh vô thường; tánh pháp giới, tánh không sai biệt. Lại biết sở thích của chúng sinh thành thói quen khó cải đổi từ tánh sinh dục, biết chỗ ưa thích ấy phát khởi từ tánh dục, và biết chỗ phát khởi tánh thiện và bất thiện, khởi tánh Thanh văn, tánh Bích-chi-phật và tánh Vô thượng Bồ-đề đều biết đúng như thật, tùy nghi để thuyết pháp, đó gọi là biết Tánh trí lực.

Đại vương nên biết! Sa-môn Cù-đàm biết Căn trí lực là có khả năng biết rõ đúng như thật những căn sai biệt của tất cả chúng sinh. Biết căn hữu lậu, căn vô lậu, căn lanh lợi, căn chậm lụt, biết tăng, biết giảm. Có khả năng biết đúng như thật về tham dục, sân hận, ngu si có vô số loại; mỗi thứ có nặng, có nhẹ. Biết rõ những căn nào có thể làm tăng trưởng sinh tử; biết có những căn nào làm giảm bớt sinh tử, biết căn thiện và căn bất thiện, biết căn phi thiện và phi bất thiện; biết nhân căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn và ý căn; biết nam căn, nữ căn, mạng căn, khổ căn, lạc căn, ưu căn, lạc căn, hỷ căn, xả căn; biết tín căn, tinh tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn. Biết vị tri dục tri căn; biết tri dĩ tri căn; biết nhân nhân căn cho đến nhân ý căn; biết nhân nhĩ căn làm duyên nhân căn, biết nhân tỷ căn làm duyên thiệt căn; biết nhân thiệt căn là duyên thân căn, biết giới trang nghiêm có thể tu tập ở bố thí; biết bố thí trang nghiêm tu tập ở giới. Có



thể biết ai nói thí, nói giới, cho đến trí tuệ cũng như vậy. Có khả năng biết ai nói bốn Niệm xứ, cho đến tám Chánh đạo phần; biết ai có thể nói được Thanh văn thừa, Bích-chi-phật thừa và Vô thượng thừa. Biết căn Duyên giác học Thanh văn thừa; biết căn Chánh giác học Thanh văn thừa, Bích-chi-phật thừa. Biết người hạ căn có thể tu tập thượng căn, người thượng căn có thể tu tập hạ căn; biết căn chúng sinh người chưa điều phục được thì sinh tâm xả, người có thể điều phục thì thuyết pháp chánh pháp; biết căn thuần thực, tướng không thuần thực; biết căn không thuần thực, tướng thuần thực; biết căn không thuần thực tướng không thuần thực, căn thuần thực có tướng thuần thực. Biết căn sinh tử, biết căn giải thoát; biết căn trang nghiêm, biết căn đầy đủ. Biết như thế rồi, thuyết pháp cho họ, đó gọi là biết Căn trí lực.

Đại vương nên biết! Sa-môn Cù-đàm biết Chí xứ đạo trí lực tức là có khả năng biết đúng như thật người thực hành đạo như thế nào thì đọa ở địa ngục, hay là sinh lên cõi trời; người thực hành đạo như thế nào thì được đạt đến Niết-bàn. Những nghiệp như vậy đều phát sinh từ tánh căn dục. Biết có nghiệp hữu lậu cho nên sinh ở năm đường, nghiệp vô lậu nên đạt đến Niết-bàn. Như vậy, có khả năng biết các chánh định tụ, các tà định tụ và những bất định tụ. Biết năng lực của nhân, năng lực quả báo; biết nhân duyên phước đức đời quá khứ; biết nhân duyên trang nghiêm đời hiện tại, biết khó điều phục, dễ điều phục, nói lược hiểu rộng, nói rộng hiểu lược. Biết chúng sinh ấy có thể đạt giải thoát, biết chúng sinh như thế không đạt được giải thoát. Biết người chưa được định lại gặp Thiện tri thức được trụ ở các chánh định tụ, không gặp được bạn tốt thì không giải thoát. Biết như vậy rồi, tùy theo khả năng nghe của họ mà thuyết pháp, đó gọi là biết Chí xứ đạo trí lực.

Đại vương nên biết! Sa-môn Cù-đàm biết Thiên định trí lực, tức là có khả năng biết đúng như thật thiên định, giải thoát Tam-muội, Tam-ma-bạt-đề. Biết cấu, biết tịnh, biết trụ, biết tăng; biết các chúng sinh do nhân duyên nào mà ham thích sinh tử, do nhân duyên nào lại ham thích Niết-bàn. Thế nào là nhân? Thế nào là duyên? Biết các chúng sinh suy nghĩ điều bất thiện là nhân duyên sinh tử. Do suy nghĩ bất thiện nên sinh trưởng vô minh, vì thế bất thiện là nhân, vô minh là duyên. Do nhân vô minh nên phát sinh ra hành, cho nên vô minh là nhân, các hành là duyên. Như vậy, cho đến do sinh mà có những đau khổ về già và chết, cho nên sinh là nhân, già chết là duyên; phiền não là nhân, năm cái là duyên, cho nên gọi là nhân duyên. Vì thế, các chúng sinh do nhân duyên ham thích sinh tử. Do nhân duyên gì mà ham thích Niết-bàn? Có hai nguyên nhân và hai pháp làm cho các chúng sinh ưa thích Niết-bàn, đó là Chỉ và Quán. Lại biết thuyết pháp nhân duyên, đặc Thanh văn Tam-muội, Duyên giác Tam-muội, Bồ-tát Tam-muội. Biết như thế rồi, thuyết pháp cho họ, đó gọi là biết Định trí lực.

Đại vương nên biết! Sa-môn Cù-đàm biết Túc mạng trí lực, tức là có khả năng biết đúng như thật tất cả mọi nơi mình đã thọ sinh trong quá khứ, có sắc, không sắc, đồng họ, tên, ăn uống, sắc đẹp, hình tướng, khổ, vui và tuổi thọ dài ngắn; nghĩ nhớ chết nơi cõi kia và sinh ở nơi cõi khác. Biết thân ta và thân người cũng như vậy. Biết nghiệp nhân của chúng sinh do các chúng sinh ấy tạo những nghiệp nhân này nên được thân ở cõi khác; biết tâm và nhân duyên của các chúng sinh, tâm diệt như thế rồi thì tuần tự sinh; biết rõ ba đời không có bắt đầu và cuối cùng. Khuyên các chúng sinh nên quán các quả báo thiện ác, khổ vui trong quá khứ. Biết như thế rồi, tùy theo người nghe mà thuyết pháp, đó gọi là biết Túc mạng trí lực.

Đại vương nên biết! Sa-môn Cù-đàm biết Thiên nhân trí lực, tức là biết đúng như

thật. Thấy tất cả chúng sinh sinh diệt đọa lạc, hoặc thọ hình sắc thiện hoặc thọ hình sắc ác, hoặc sinh cõi thiện, hoặc sinh cõi ác. Biết rõ tất cả các nghiệp nhân, biết thân, miệng, ý của chúng sinh làm ác và phỉ báng Thánh nhân, tăng thêm tà kiến. Vì nghiệp ác nên bỏ thân này liền đọa vào địa ngục. Biết thân, miệng, ý của chúng sinh thiện là không phỉ báng Thánh nhân, tăng thêm chánh kiến. Do nghiệp duyên, do bỏ thân này liền sinh ở cõi thiện. Có thể thấy thế giới mười phương chư Phật không cùng tận, giống như hư không không có giới hạn. Thấy rõ chúng sinh lúc sinh, lúc diệt, thấy lúc thành lúc hoại của các thế giới; cũng biết tâm Bồ-đề của các chúng sinh lúc sinh lúc diệt. Thấy tất cả chư Phật từ khi mới thành chánh giác, chuyển bánh xe chánh pháp cho đến lúc nhập Niết-bàn; thấy các bậc Thanh văn khi chứng giải thoát rồi thì nhập Niết-bàn; thấy các bậc Duyên giác dùng sức thần thông bảo các chúng sinh ở ân bố thí. Những việc như thế, tất cả năm phép thần thông của Thanh văn, Duyên giác và các Bồ-tát không thể thấy được. Thiên nhân Sa-môn Cù-đàm thành tựu công đức như thế. Dùng Thiên nhãn quán các chúng sinh, ai đáng được Phật hóa độ, ai đáng được Thanh văn, Duyên giác hóa độ. Thấy như vậy rồi, tùy theo người được độ mà hiện thân ấy để thuyết pháp, đó gọi là biết Thiên nhãn trí lực.

Đại vương nên biết! Sa-môn Cù-đàm biết lậu tận trí lực, các lậu hoặc đã hết, giải thoát hoàn toàn. Cho nên tuyên bố rằng: Ta đã chấm dứt việc thọ sinh, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, lại không có đời sau. Trí lậu tận của Phật thanh tịnh vi diệu. Nói thanh tịnh là không còn tập khí. Trí Thanh văn còn có giới hạn. Vì sao? Vì còn có tập khí. Trí Bích-chi-phật cũng còn có giới hạn. Vì sao? Vì không có đại Bi. Trí lậu tận của Phật vô lượng, vô biên. Vì sao? Biết tất cả các hạnh, thành tựu đầy đủ Nhất thiết trí, đoạn sạch tất cả những tập khí, có đủ đại Từ, đại Bi, trang nghiêm bằng bốn Vô sở úy. Đối với tất cả pháp không thủ tướng, tất cả thế gian không thể hơn được; đi, đứng, nằm, ngồi không có những lỗi lầm. Giống như hư không trong sạch, không chướng ngại, không có xen lẫn những khói mây. Cũng vậy, Lậu tận trí của Đức Phật không lẫn những tập khí phiền não; thường thuyết pháp cho tất cả chúng sinh, khiến người nghe đoạn dứt các phiền não, đó gọi là Lậu tận trí lực.

Đại vương nên biết! Sa-môn Cù-đàm thành tựu hoàn toàn mười loại trí lực như thế để trang nghiêm, nên được gọi là Như Lai Ứng Chánh Biến Tri. Cho nên ta nói là không có lỗi lầm.

Rồi nói bài kệ rằng:

*Thị xứ và phi xứ  
Chư Phật biết như thật  
Lời Thế Tôn chân thật  
Nên không có lỗi lầm.  
Các đời trong quá khứ  
Thánh chiếu không chướng ngại  
Vị lai và hiện tại  
Trí tuệ không chìm mất,  
Nghiệp và quả báo nghiệp  
Trí về nhân và quả  
Đều hay biết như thật  
Cho nên gọi là Phật.  
Thế gian vô số tánh*

## LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Từng loại biết như thật  
Trong tánh khéo hiểu rõ  
Cho nên người không bằng.  
Thế gian nhiều loại tin  
Và vô số người tin  
Trí tuệ biết như thật  
Cho nên nói lời thật.  
Như thật biết căn thuận  
Với căn được tự tại  
Sức thần thông thiên định  
Giác phần và giải thoát,  
Biết nhiệm và thanh tịnh  
Như thật hiểu sai khác  
Như Lai không cách trở  
Vì lìa mọi chướng ngại,  
Quá khứ vô số đời  
Mỗi mỗi trí lực thấy  
Chính mình và thân người  
Trí ấy biết như thật.  
Mắt Phật trong không đục  
Vượt thế gian trời người  
Dùng mắt thanh tịnh ấy  
Thấy chúng sinh sinh diệt,  
Biết các lậu tận trí  
Và biết chỗ giải thoát  
Là cảnh giới vô lậu  
Thánh nhân biết như thật.  
Năng lực không ai bằng  
Phật Thế Tôn tự tại  
Hiện ở trong nhất tâm  
Mà tâm không sai khác,  
Không lấy cũng không bỏ  
Tự nhiên ở hiện tiền  
Như bánh xe theo nghiệp  
Tự nhiên mà xoay chuyển,  
Nhất niệm biết như thật  
Các tâm niệm chúng sinh  
Ở tâm và chúng sinh  
Không khởi có hai tướng,  
Ở trong tất cả pháp  
Đầy đủ các công đức  
Cho nên nói Cù-đàm  
Tự tại không lỗi lầm.

